TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ- ST
Ngày 17 tháng 01 năm 2025
"*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Cường, ông Phùng Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 57/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 63/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vi Thị S - sinh năm1963

Trú tại: Khu 10, xã K, huyện T , tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Mạnh Th- sinh năm 1960

Trú tại: Khu 10, xã K, huyện T , tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là bà Vi Thị S trình bày: Bà và ông Đặng Mạnh Th kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã K, huyện T , tỉnh Phú Thọ vào ngày 12/7/1988. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà ở chung với bố mẹ chồng một thời gian ngắn thì bố chồng cắt đất để vợ chồng làm nhà ở riêng. Thời gian đầu bà và ông Th chung sống hoà thuận, hạnh phúc, đến năm 2001 ông Th lên Sơn La làm thuê, có quan hệ với người phụ nữ khác. Năm 2013 ông Th quay về địa phương, nhưng vẫn tiếp tục có

quan hệ ngoại tình. Bà nói, thì ông Th lăng mạ, xúc phạm, còn phá giường mà bà ngủ, đuổi bà ra khỏi nhà. Bà phải sang nhà con gái ở nhờ từ ngày 24/01/2024 (âm lịch). Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà và ông Th được ly hôn.

* Bị đơn là ông Đặng Mạnh Th trình bày: Về thời gian kết hôn, chung sống giữa ông và bà S đúng như bà S đã trình bày. Ông thừa nhận, thời gian trước đây khi đi làm xa ông cũng có quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng gần đây thì ông khẳng định là không có. Do ghen tuông vô cớ, bà S có những lời nói bêu riếu, xúc phạm ông, chia rẽ tình cảm gia đình ông và bỏ mặc ông lúc ốm đau, sang nhà con gái nấu ăn, chỉ tối về nhà ngủ; rình mò, theo dõi ông. Vì thế ông đã dỡ giường của bà S, đuổi bà S ra khỏi nhà từ tháng 01/2024 (âm lịch). Từ đó đến nay ông và bà S không chuyện T trò, quan tâm gì đến nhau. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn, vì bà S nói ông ngoại tình là vu khống, xúc phạm danh dự, lòng tự trọng của ông. Còn giải quyết như thế nào là việc của Toà án.

- Về con chung: Bà Vi Thị S và ông Đặng Mạnh Th xác nhận có 02 con: Đặng Thị Th1, sinh ngày 23/8/1988; Đặng Thị Th2, sinh ngày 27/6/1990. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, lao động tự túc được, nên việc nuôi dưỡng hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Vi Thị S và ông Đặng Mạnh Th xác định vợ chồng có các tài sản chung, đã được định giá như sau:

+ Quyền sử dụng 839,7 m2 đất (trong đó có 200m2 đất ở và 639,7m2 đất vườn, tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 50 thuộc khu 10 xã K, huyện T) đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSD đất số CK 938768, ngày 22/01/2018, ngày cho ông Đặng Mạnh Th, bà Vi Thị S trị giá 110.852.400đ.

+ 01 nhà xây 01 tầng gạch xỉ, mái lợp ngói, hiên sau nhà lợp fiblôximăng, nền láng vữa xi măng (gồm 01 phòng ngủ, 01 phòng khách và 01 nhà kho), diện tích 62,1m2, trị giá 15.000.000đ.

+ 01 sân bê tông trước nhà, diện tích 104,6 m2 trị giá 2.200.000đ.

+ 01 nhà tắm+ vệ sinh, mái bê tông cốt thép, tường xây gạch và ốp gạch men, nền lát gạch men, diện tích 13,5m2, trị giá 10.500.000đ.

+ 01 sân rửa giáp nhà vệ sinh, diện tích 5,94m2, mái lợp fiblôximăng, nền láng vữa xi măng, trị giá 1.500.000đ.

+ 01 giếng đào, sâu 7m, kè gạch từ dưới lên, trị giá 1.500.000đ.

+ Khu chuồng nuôi có tường xây bao quanh bằng gạch block, mái lợp fiblôximăng, trị giá 11.950.000đ (Gồm 02 chuồng nuôi: 01 chuồng nuôi phía sau nhà có diện tích 36,3 m2 trị giá 5.498.000đ; 01 chuồng nuôi giáp nhà tắm+ vệ sinh có diện tích 42,6 m2 trị giá 6.452.000đ).

Tổng trị giá tài sản chung là 153.502.400đ (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm linh hai nghìn bốn trăm đồng).

Các đồ dùng sinh hoạt và 01 bếp đã cũ hai bên thống nhất không kê khai, định giá, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà Vi Thị S và ông Đặng Mạnh Th đều nhất trí với giá mà Hội đồng định giá tài sản đã định giá như nêu trên, không có ý kiến thắc mắc gì.

Khi xem xét, thẩm định tại chỗ, phát hiện: Trên thửa đất của ông Đặng Mạnh Th và bà Vi Thị S, có một phần mái tôn của lán để xe nhà anh Trần Văn Ng, chị Đặng Thị Th1 ở thửa đất liền kề lợp sang (chị Th1 và anh Ng là con gái và con rể của ông Th, bà S). Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay, bà S, ông Th và anh Ng xác nhận: Trước khi Toà án mở phiên toà, anh Ng đã dỡ bỏ phần mái tôn lấn sang, trả lại đất cho ông Th, bà S.

Bà Vi Thị S trình bày: Sau khi vợ chồng bà lấy nhau, bố chồng bà có cho đất để vợ chồng làm nhà ở riêng. Thửa đất này là thửa 98, tờ bản đồ số 50 thuộc khu 10, xã K, đã được UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất năm 1992, đứng tên hộ ông Đặng Mạnh Th, diện tích là 1609m2 (trong đó có 400m2 đất ở và 1209m2 đất trồng cây lâu năm). Sau đó, vợ chồng bà hiến một phần đất vườn để làm đường đi chung cho xóm. Năm 2018 vợ chồng bà cắt cho 2 con gái một phần diện tích, hiện còn lại 839,7m2 (trong đó có 200m2 đất ở và 639,7m2 đất trồng cây lâu năm), đứng tên bà và ông Th. Trên đất hiện nay có 01 nhà xây và công trình phụ; đất và công trình xây dựng đã được Toà án xem xét thẩm định, định giá.

Nếu ly hôn, bà đề nghị phân chia diện tích 839,7 m2 đất, trong đó có đất ở, đất trồng cây lâu năm của vợ chồng để bà và ông Th cùng sử dụng. Bà có nguyện vọng được nhận phần đất khoảng 300m2 giáp với nhà cháu Đặng Thị Th1 là con gái của bà; phần đất còn lại để ông Th sử dụng. Công trình xây dựng trên phần đất của ai người đó sở hữu. Bà không yêu cầu ông Th phải thanh toán chênh lệch tài sản.

Ông Đặng Mạnh Th trình bày: Khi vợ chồng ông lấy nhau, sau đó ra ở riêng, được bố ông cắt đất cho để làm nhà. Thửa đất đó được cấp giấy chứng nhận lần đầu năm 1992, đến năm 2018 cấp đổi đứng tên cả hai vợ chồng (sau khi tách cho 02 con một phần), với diện tích đất được ghi trong giấy chứng nhận như bà S trình bày ở trên. Trên đất có 01 nhà xây, công trình phụ và chuồng trại chăn nuôi đều đã cũ. Ông đồng ý chia cho bà S một phần đất phía giáp nhà cháu Th1 là con gái, với diện tích khoảng 150 m2.

- Về vay nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Ông Th và bà S xác nhận không có, vì vậy không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 59, điểm d khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho bà Vi Thị S được ly hôn ông Đặng Mạnh Th.

2. Về con chung: Bà Vi Thị S và ông Đặng Mạnh Th có 02 con là: Đặng Thị Th1, sinh ngày 23/8/1988; Đặng Thị Th2, sinh ngày 27/6/1990. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, lao động tự túc được, nên việc nuôi dưỡng không phải giải quyết.

3. Về tài sản chung: Xác định bà Vi Thị S và ông Đặng Mạnh Th có các tài sản chung gồm:

+ Quyền sử dụng 839,7 m2 đất (trong đó có 200m2 đất ở và 639,7m2 đất vườn, tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 50 thuộc khu 10 xã K, huyện T) đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSD đất số CK 938768, ngày 22/01/2018, ngày cho ông Đặng Mạnh Th, bà Vi Thị S trị giá 110.852.400đ.

+ 01 nhà xây 01 tầng gạch xỉ, mái lợp ngói, hiên sau nhà lợp fiblôximăng, nền láng vữa xi măng (gồm 01 phòng ngủ, 01 phòng khách và 01 nhà kho), diện tích 62,1m2, trị giá 15.000.000đ.

+ 01 sân bê tông trước nhà, diện tích 104,6 m2 trị giá 2.200.000đ.

+ 01 nhà tắm + vệ sinh, mái bê tông cốt thép, tường xây gạch và ốp gạch men, nền lát gạch men, diện tích 13,5m2, trị giá 10.500.000đ.

+ 01 sân rửa giáp nhà vệ sinh, diện tích 5,94m2, mái lợp fiblôximăng, nền láng vữa xi măng, trị giá 1.500.000đ.

+ 01 giếng đào, sâu 7m, kè gạch từ dưới lên, trị giá 1.500.000đ.

+ Khu chuồng nuôi có tường xây bao quanh bằng gạch block, mái lợp fiblôximăng, trị giá 11.950.000đ (Gồm 02 chuồng nuôi: 01 chuồng nuôi phía sau nhà có diện tích 36,3 m2 trị giá 5.498.000đ; 01 chuồng nuôi giáp nhà tắm+ vệ sinh có diện tích 42,6 m2 trị giá 6.452.000đ).

Tổng trị giá tài sản chung là 153.502.400đ (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm linh hai nghìn bốn trăm đồng).

* Giao cho ông Đặng Mạnh Th được sử dụng diện tích 567,6m2 đất (gồm 100m2 đất ở và 467,6m2 đất vườn) có trị giá là 69.019.200đ Th1ộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 50 Th1ộc khu 10, xã K, huyện T , tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSD đất số CK 938768, ngày 22/01/2018 cho ông Đặng Mạnh Th, bà Vi Thị S, có chỉ giới: 1,2,3,9,10,11,12,13,14,1 trong sơ đồ dự chia (có sơ đồ kèm theo). Ông Th được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây 01 tầng gạch xỉ, mái lợp ngói, hiên sau nhà lợp fiblôximăng, nền láng vữa xi măng (gồm 01 phòng ngủ, 01 phòng khách và 01 nhà kho), diện tích 62,1m2, trị giá 15.000.000đ; 01 sân bê tông trước nhà, diện tích 104,6 m2 trị giá 2.200.000đ; 01 chuồng nuôi phía sau nhà, có tường xây bao quanh bằng gạch block, mái lợp fiblôximăng, diện tích 36,3 m2, trị giá 5.498.000đ;

Tổng trị giá tài sản ông Đặng Mạnh Th được sở hữu, sử dụng là 91.717.200đ (Chín mươi mốt triệu bảy trăm mười bảy nghìn hai trăm đồng).

* Giao cho bà Vi Thị S được sử dụng diện tích 272,1 m2 đất (gồm 100m2 đất ở và 172,1 m2 đất vườn) thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 50 Th1ộc khu 10, xã K, huyện T , tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSD đất số CK 938768, ngày 22/01/2018 cho ông Đặng Mạnh Th, bà Vi Thị S, có chỉ giới: 3,4,5,6,7, 8, 9,3 trong sơ đồ dự chia (có sơ đồ kèm theo). Bà S được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà tắm+ vệ sinh, mái bê tông cốt thép, tường xây gạch và ốp gạch men, nền lát gạch men, diện tích 13,5m2, trị giá 10.500.000đ; 01 sân rửa, diện tích 5,94m2, mái lợp fiblôximăng, nền láng vữa xi măng, trị giá 1.500.000đ; 01 giếng đào, sâu 7m, kè gạch từ dưới lên, trị giá 1.500.000đ; 01 chuồng nuôi giáp nhà tắm+ vệ sinh. có tường xây bao quanh bằng gạch block, mái lợp fiblôximăng, diện tích 42,6 m2, trị giá 6.452.000đ (Bà S có trách nhiệm tháo dỡ một phần chuồng nuôi này do đang được xây dựng trên diện tích đất Th1ộc về ông Th, để trả lại đất cho ông Th).

Tổng trị giá tài sản bà Vi Thị S được sở hữu, sử dụng là 61.785.200đ (Sáu mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Ông Đặng Mạnh Th không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Vi Thị S.

4. Về vay nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình: Không có, nên không phải giải quyết.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; án phí:

Bà Vi Thị S tự nguyện chịu toàn bộ là 6.500.187đ (Sáu triệu năm trăm nghìn một trăm tám mươi bảy đồng) tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận bà S đã nộp đủ.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về chia tài sản có giá ngạch cho bà Vi Thị S, ông Đặng Mạnh Th, do bà S, ông Th là người cao tuổi và có đề nghị được miễn tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Vi Thị S có đơn xin ly hôn ông Đặng Mạnh Th. Bà S và ông Th đều cư trú tại xã K, huyện T , tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã tiến hành hoà giải, nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cho nên Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị S và ông Đặng Mạnh Th kết hôn với nhau tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Ông Th cũng xác nhận trong thời gian đi làm xa ở Sơn La, ông có quan hệ ngoại tình dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẻ. Từ tháng 01/2024 (âm lịch), ông đã phá giường đuổi bà S ra khỏi nhà, bà S phải sang nhà con gái ở nhờ, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Như vậy, thực tế cho thấy mâu thuẫn giữa bà S, ông Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà S là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà Vi Thị S và ông Đặng Mạnh Th có 02 con: Đặng Thị Th1, sinh ngày 23/8/1988; Đặng Thị Th2, sinh ngày 27/6/1990. Cả hai con chung của ông Th, bà S đều đã trưởng thành, lao động tự túc được, nên việc nuôi dưỡng không phải giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà Vi Thị S và ông Đặng Mạnh Th xác nhận vợ chồng có các tài sản chung đã được xem xét thẩm định, định giá gồm: Diện tích 839,7m2 đất (trong đó có 200m2 đất ở, 639,7m2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 50 và các công trình xây dựng trên đất tại khu 10, xã K, huyện T , có tổng trị giá là 153.502.400 đồng.

Bà S đề nghị Toà án chia đất ở, đất vườn, để bà và ông Th cùng sử dụng và đề nghị chia cho bà phần đất khoảng 300m2 phía giáp nhà con gái là chị Đặng Thị Th1; ông Th cũng nhất trí chia đất, nhưng chỉ đồng ý chia cho bà S khoảng 150 m2. Xét thấy, ông Th và bà S đều có nhu cầu sử dụng đất, và thực tế thửa đất

có thể phân chia được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà S, chia cho bà S phần đất có diện tích 272,1 m2, chia cho ông Th phần đất có diện tích 567,6 m2 như sơ đồ dự chia là phù hợp. Mỗi người sẽ được chia 100m2 đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm. Công trình xây dựng trên phần đất giao cho bên nào, giao cho bên đó được quyền sở hữu.

Riêng đối với 01 chuồng nuôi giáp nhà tắm+ vệ sinh, có diện tích 42,6 m2 thì khoảng 1/3 diện tích nằm trên phần đất dự kiến chia cho ông Th và khoảng 2/3 diện tích nằm trên phần đất dự kiến chia cho bà S. Tại phiên toà, bà S đề nghị được nhận giá trị và sở hữu toàn bộ chuồng nuôi này và có trách nhiệm tháo dỡ phần xây dựng trên diện tích đất thuộc về ông Th, để trả lại đất cho ông Th. Đề nghị của bà S là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Tuy giá trị tài sản mà bà S được chia ít hơn ông Th, nhưng xét nguồn gốc đất là do gia đình ông Th cho vợ chồng, nên bà S không yêu cầu ông Th phải thanh toán chênh lệch tài sản là hợp tình, hợp lý. Hội đồng xét xử xét thấy không cần buộc ông Th phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà S.

Trong quá trình giải quyết vụ án này, Toà án đã bổ sung vợ chồng anh Trần Văn Ng và chị Đặng Thị Th1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do một phần mái tôn nhà để xe của gia đình anh Ng lợp lấn sang đất của ông Th, bà S. Tuy nhiên, do trước khi Toà án mở phiên toà, anh Ng đã dỡ bỏ phần mái tôn lấn sang, trả lại đất cho ông Th, bà S, vì vậy trong Bản án Hội đồng xét xử không xác định tư cách tố tụng của chị Th1 và anh Ng.

- Về vay nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Ông Th và bà S xác nhận không có, vì vậy Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5]. Về chi phí tố tụng và án phí:

[5.1]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Bà Vi Thị S đã nộp chi phí thẩm định, định giá là 6.500.187 đồng. Tại phiên tòa, bà S xin chịu toàn bộ chi phí này, không yêu cầu ông Đặng Mạnh Th phải cùng chịu. Xét đề nghị của bà S là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[5.2]. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về chia tài sản có giá ngạch: Bà Vi Thị S và ông Đặng Mạnh Th đều là người cao tuổi, có đề nghị được miễn án phí. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho bà S, ông Th.

[6]. Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, điểm d khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho bà Vi Thị S được ly hôn ông Đặng Mạnh Th.

2. Về con chung: Bà Vi Thị S và ông Đặng Mạnh Th có 02 con là: Đặng Thị Th1, sinh ngày 23/8/1988; Đặng Thị Th2, sinh ngày 27/6/1990. Cả hai con chung đều đã trưởng thành, lao động tự túc được, nên việc nuôi dưỡng không phải giải quyết.

3.Về tài sản chung:

3.1. Xác định bà Vi Thị S và ông Đặng Mạnh Th có các tài sản chung như sau:

+ Quyền sử dụng 839,7 m2 đất (trong đó có 200m2 đất ở và 639,7m2 đất vườn, tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 50 thuộc khu 10 xã K, huyện T) đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSD đất số CK 938768, ngày 22/01/2018, ngày cho ông Đặng Mạnh Th, bà Vi Thị S, trị giá 110.852.400đ.

+ 01 nhà xây 01 tầng gạch xỉ, mái lợp ngói, hiên sau nhà lợp fiblôximăng, nền láng vữa xi măng (gồm 01 phòng ngủ, 01 phòng khách và 01 nhà kho), diện tích 62,1m2, trị giá 15.000.000đ.

+ 01 sân bê tông trước nhà, diện tích 104,6 m2, trị giá 2.200.000đ.

+ 01 nhà tắm+ vệ sinh, mái bê tông cốt thép, tường xây gạch và ốp gạch men, nền lát gạch men, diện tích 13,5m2, trị giá 10.500.000đ.

+ 01 sân rửa giáp nhà vệ sinh, diện tích 5,94m2, mái lợp fiblôximăng, nền láng vữa xi măng, trị giá 1.500.000đ.

+ 01 giếng đào, sâu 7m, kè gạch từ dưới lên, trị giá 1.500.000đ.

+ Khu chuồng nuôi có tường xây bao quanh bằng gạch block, mái lợp fiblôximăng, trị giá 11.950.000đ (Gồm 02 chuồng nuôi: 01 chuồng nuôi phía sau nhà có diện tích 36,3 m2, trị giá 5.498.000đ; 01 chuồng nuôi giáp nhà tắm+ vệ sinh có diện tích 42,6 m2, trị giá 6.452.000đ).

Tổng trị giá tài sản chung là 153.502.400đ (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm linh hai nghìn bốn trăm đồng).

3.2. Xử : Phân chia tài sản chung của bà Vi Thị S và ông Đặng Mạnh Th như sau:

* Giao cho ông Đặng Mạnh Th được sử dụng diện tích 567,6m2 đất (gồm 100m2 đất ở và 467,6m2 đất vườn) có trị giá là 69.019.200đ, trong tổng số 839,7

m2 đất (gồm 200m2 đất ở và 639,7m2 đất vườn) tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 50 thuộc khu 10, xã K, huyện T , tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSD đất số CK 938768, ngày 22/01/2018 cho ông Đặng Mạnh Th, bà Vi Thị S, có chỉ giới: 1,2,3,9,10,11,12,13,14,1 trong sơ đồ dự chia (có sơ đồ kèm theo). Ông Th được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây 01 tầng gạch xỉ, mái lợp ngói, hiên sau nhà lợp fiblôximăng, nền láng vữa xi măng (gồm 01 phòng ngủ, 01 phòng khách và 01 nhà kho), diện tích 62,1m2, trị giá 15.000.000đ; 01 sân bê tông trước nhà, diện tích 104,6 m2 trị giá 2.200.000đ; 01 chuồng nuôi phía sau nhà, có tường xây bao quanh bằng gạch block, mái lợp fiblôximăng, diện tích 36,3 m2, trị giá 5.498.000đ;

Tổng trị giá tài sản ông Đặng Mạnh Th được sở hữu, sử dụng là 91.717.200đ (Chín mươi mốt triệu bảy trăm mười bảy nghìn hai trăm đồng).

* Giao cho bà Vi Thị S được sử dụng diện tích 272,1 m2 đất (gồm 100m2 đất ở và 172,1 m2 đất vườn) có trị giá là 41.833.200đ, trong tổng số 839,7 m2 đất (gồm 200m2 đất ở và 639,7m2 đất vườn) tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 50 thuộc khu 10, xã K, huyện T , tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSD đất số CK 938768, ngày 22/01/2018 cho ông Đặng Mạnh Th, bà Vi Thị S, có chỉ giới: 3,4,5,6,7, 8, 9,3 trong sơ đồ dự chia (có sơ đồ kèm theo). Bà S được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà tắm+ vệ sinh, mái bê tông cốt thép, tường xây gạch và ốp gạch men, nền lát gạch men, diện tích 13,5m2, trị giá 10.500.000đ; 01 sân rửa, diện tích 5,94m2, mái lợp fiblôximăng, nền láng vữa xi măng, trị giá 1.500.000đ; 01 giếng đào, sâu 7m, kè gạch từ dưới lên, trị giá 1.500.000đ; 01 chuồng nuôi giáp nhà tắm+ vệ sinh. có tường xây bao quanh bằng gạch block, mái lợp fiblôximăng, diện tích 42,6 m2, trị giá 6.452.000đ (Bà S có trách nhiệm tháo dỡ một phần chuồng nuôi này do đang được xây dựng trên diện tích đất thuộc về ông Th, để trả lại đất cho ông Th).

Tổng trị giá tài sản bà Vi Thị S được sở hữu, sử dụng là 61.785.200đ (Sáu mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Ông Đặng Mạnh Th không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Vi Thị S.

4. Về vay nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình: Không có, nên không phải giải quyết.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; án phí:

5.1.Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Bà Vi Thị S tự nguyện chịu toàn bộ là 6.500.187đ (Sáu triệu năm trăm nghìn một trăm tám mươi bảy đồng). Xác nhận bà S đã nộp đủ.

5.2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về chia tài sản có giá ngạch cho bà Vi Thị S, ông Đặng Mạnh Th, do bà S, ông Th là người cao tuổi.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện T ;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Minh Hòa